

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/DS-PT

Ngày: 14/02/2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Mai Hoàng Khải;**

*Các Thẩm phán:* Bà **Trương Thị Tuyết Linh;**

Ông **Trần Văn Đạt.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Diễm Nhi** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Ông **Võ Trung Hiếu**

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 435/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 189/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Ngô Thị Kim Ph**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**2. Bị đơn:** Bà **Ngô Thị Kim H**, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà **Ngô Thị Bạch T**, sinh năm 1954 (đã chết)

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Tuyết:*

+ Ông **Trần Hữu T**, sinh năm 1951 (xin vắng mặt)

+ Chị **Trần Thị Trọng V**, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)

+ Anh **Trần Hữu N**, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 48, Nguyễn Trọng T, phường A, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Anh **Trần Hữu T**, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 1278/1C, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn **Ngô Thị Kim H**

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo bản án sơ thẩm,*

*Nguyên đơn bà Ngô Thị Kim Ph trình bày:*

Khoảng tháng 7/2020 âm lịch, bà có đưa bà H số tiền 60.000.000 đồng để lấy tiền lãi cho con đi học, không có thỏa thuận thời hạn trả.

Lãi suất thỏa thuận miệng mỗi tháng bà H gửi bà 1.000.000 đồng, do chị em ruột nên không làm giấy tờ gì nhưng bà H không gửi số tiền lãi nào cho bà.

Sau đó, bà H nói bà thiếu nợ bà H nên bà H tự trừ của bà số tiền 16.000.000 đồng còn lại số tiền 44.000.000 đồng, vì chỗ chị em nên bà cũng chấp nhận nhưng đối với số tiền 44.000.000 đồng này bà H phải làm biên nhận cho bà. Bà H đã làm biên nhận cho bà làm tin có sự chứng kiến của chị ruột Ngô Thị Kim L, anh rể Lê Văn G, chị ruột Ngô Thị Bạch T (đã chết).

Từ khi viết giấy biên nhận cho đến nay thì bà H cũng không trả lại hay đưa tiền lãi gì cho bà.

Nay bà P yêu cầu bà H phải chịu trách nhiệm trả lại số tiền 44.000.000 đồng cho bà một lần theo quy định.

*Bị đơn bà Ngô Thị Kim H trình bày:*

Bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P do bà nhận số tiền 44.000.000 đồng từ bà P để giao bà T theo yêu cầu của bà P chứ bà không có thiếu nợ gì bà P. Đối với biên nhận mà bà P cung cấp trong hồ sơ thì bà không có viết và ký tên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu T, chị Trần Thị Trọng V, anh Trần Hữu Na trình bày:*

Không biết và không nắm rõ vụ việc giữa bà H và bà P. Đồng thời, có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hữu Tr trình bày:*

Anh có ký tên vào biên nhận trả tiền ngày 06/4/2021 nhưng không biết rõ nội dung do bà H tự ghi rồi kêu ký cũng như anh không biết có việc bà H nhận tiền 44.000.000 đồng từ bà P để trả cho bà T gì. Đồng thời, anh có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

**\*Bản án dân sự sơ thẩm số:** 189/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã Căn cứ vào Điều 91, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 357, 468 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

**Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim Ph.

Buộc bà Ngô Thị Kim H phải chịu trách nhiệm trả số tiền 44.000.000 đồng cho bà Ngô Thị Kim Ph.

Kể từ ngày bà Ph có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà H chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

**Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của đương sự.**

Ngày 30/9/2022 bị đơn Ngô Thị Kim H kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngô Thị Kim Ph.

**Tại phiên tòa phúc thẩm,** bà Ngô Thị Kim H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Ngô Thị Kim Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ y án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

**Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng luật định.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị Kim Ph buộc bị đơn Ngô Thị Kim H trả cho bà P 44.000.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ y án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Nghe các đương sự trình bày, tranh luận. Ý kiến phát biểu nhận xét và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy:

[1] Bà Ngô Thị Kim H thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định đúng theo các Điều 271, 272, 273 của BLTTDS nên được chấp nhận xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngô Thị Bạch T đã chết nên có người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà T gồm: Ông Trần Hữu T, anh Trần Hữu T, Trần Hữu N, chị Trần Thị Trọng V đều có đơn xin vắng mặt. (bút lục số 88, 89, 90, 92) nên chiếu theo khoản 2 Điều 296 BLTTDS xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn trả lại 44.000.000 đồng do trước đó cho bị đơn vay để lấy lãi cho con đi học nhưng bị đơn không trả vốn và lãi. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết theo quy định tại Điều 166, 280, 351, 357, 463, 466, 468, của BLDS năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết:

Nguyên đơn Ngô Thị Kim Ph khai: Bà và bà Ngô Thị Kim H là chị em ruột. Bà P có cho bà H mượn 44.000.000 đồng, hạn đến ngày 25/02/2021 AL trả nhưng đến hạn bà H không trả nên bà P khởi kiện yêu cầu bà H trả cho bà 44.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Ngô Thị Kim H không thừa nhận có vay tiền của bà P 44.000.000 đồng nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc bà H trả cho bà P 44.000.000 đồng nhưng bà H không đồng ý nên kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Kim H nhận thấy: Bà H không thừa nhận có vay của bà P 44.000.000 đồng mà cho rằng số tiền 44.000.000 đồng của bà P đưa cho bà là bà P nhờ bà gửi trả cho bà Nguyễn Thị Bạch T và bà đã giao cho bà T nhận xong (bút lục số 75). Việc trả tiền cho bà T được thể hiện tại biên bản trả tiền ngày 06/4/2021 do bà H cung cấp cho Tòa án có nội dung *“Tôi tên là Ngô Thị Kim H sinh năm 1958 có hứa trả cho Ngô Thị Kim Ph sinh năm 1976 một số tiền là 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu) nhưng Ngô Thị Kim Ph có thiếu bà Nguyễn Thị Bạch T 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) vì vậy Ngô Thị Kim Ph còn nợ bà T 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Số tiền 44.000.000 đồng của tôi trả cho bà P, bà T đã nhận coi như tôi không còn thiếu tiền Ngô Thị Kim Ph nữa, vì số tiền tôi trả cho bà P đã trả cho bà Tuyết rồi”* (bút lục số 64). Qua biên bản trả tiền ngày 06/4/2021 bà H cung cấp thể hiện bà H thừa nhận bà H có nợ bà P 44.000.000 đồng nhưng bà H không chịu trả cho bà P mà khai rằng bà P nợ bà T 50.000.000 đồng nên bà P gửi 44.000.000 đồng nhờ bà trả cho bà T cũng theo bà H khai lúc trả tiền cho bà T

có mặt bà P, ông Ngô Vĩnh, Trần Hữu T. Nhưng bà P, ông T không thừa nhận có nhờ bà H trả nợ, và cũng không có mặt chứng kiến việc bà H giao tiền cho bà T. Còn anh T khai có ký tên vào giấy do bà H đưa nhưng nội dung gì thì anh không biết. Bà H không chứng minh được việc bà P có nợ bà T. Cũng như bà P nhờ bà trả nợ dùm bà P, mà theo lời khai của bà là bà tự khấu trừ nợ với bà T, nhưng nay bà T đã chết nên không thể đối chất. Mặt khác theo lời khai người làm chứng: Ngô Vĩnh T và Ngô Thị Kim L đều xác nhận có chứng kiến bà Ngô Thị Kim H viết biên nhận nợ bà Ngô Thị Kim Ph 44.000.000 đồng và ký tên. Giấy nhận nợ được bà P gửi nhờ bà L cất giữ dùm nhưng bà đã làm mất nên viết lại nội dung bà H đã viết (bút lục số 29, 44, 94, 95). Tại biên bản hòa giải của UBND xã H ngày 17/3/2022 bà H thừa nhận có làm giấy nợ bà P 44.000.000 đồng (bút lục số 05).

Do đó việc bà H không thừa nhận có nợ bà P 44.000.000 đồng mà bà chỉ nhận tiền để trả cho bà T dùm bà P là không có căn cứ và mâu thuẫn với chứng cứ chính bà viết và cung cấp tại bút lục số 64 đã trích dẫn ở phần [4]. Vì vậy án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P. Buộc bà H trả cho bà P 44.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ mới có giá trị pháp lý chứng minh cho yêu cầu của bà có cơ sở làm thay đổi tính chất của vụ án để Tòa phúc thẩm xem xét, nên không được chấp nhận, giữ y quyết định án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Bà Ngô Thị Kim H có đơn xin miễn án phí đồng thời là người cao tuổi theo Điều 2 Luật Người cao tuổi nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí DSST và án phí DSPT cho bà H.

Từ những chứng cứ đã được phân tích xét thấy ý kiến nhận xét và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên ghi nhận

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 270, 293, 296, khoản 1 Điều 308, Điều 313 BLTTDS.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Kim H. Giữ nguyên quyết định án sơ thẩm số 189/2022/DS-ST ngày ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

Căn cứ vào Điều 166, 280, 351, 357, 463, 466, 468 của BLDS năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim Ph. Buộc bà Ngô Thị Kim H trả cho bà Ph 44.000.000 tiền nợ.

Kể từ ngày bà Ph có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà H chậm thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Ngô Thị Kim H được miễn án phí DSST và án phí DSPT.

- Trả lại bà Ngô Thị Kim Ph 1.100.000 tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009495 ngày 30/3/2022 của Chi cục THA DS huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Mai Hoàng Khải**